

Bản án số: **841/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 27-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Ông Phan Trinh Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/12/2022 và ngày 27/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11/11/2022 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 989/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5962/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022 và Quyết định ngừng phiên tòa số 19984/2022/QĐ-PT ngày 21/12/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Tuyết L, sinh năm 1993

Thường trú: Đường A, Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cư trú: Đường A1, Xã X1, Huyện N1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1990 Thường trú: xã T, huyện N2, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ liên lạc: Đường A, Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hùng

C - Luật sư tại Công ty Luật TNHH C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trương Thái P, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường A, Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Ông Trương Thái P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết L trình bày:

Bà L và ông Trương Thái P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 27/6/2011).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, do có lối sống khác biệt nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bắt đầu từ năm 2013 ông P nghiện ma túy và đã đi cai nghiện ở Cơ sở xã hội Nhị Xuân 03 lần, do ảnh hưởng của ma túy nên từ đầu năm 2014 cho đến nay ông P bị tâm thần nhẹ, tình trạng sức khỏe, thần kinh có nhiều lúc không ổn định làm cho Bà L và các con rất lo sợ nên năm 2015 bà chuyển về nhà Đường A, Xã X, Huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Dương Thị Tuyết L yêu cầu được ly hôn với Trương Thái P.

Về con chung: Bà L xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trương Yến N10, sinh ngày 09/01/2011 và Trương Phúc T, sinh ngày 05/12/2011. Hiện các con đang sống với bà L, do Bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà nguồn thu nhập ổn định khoảng 27.000.000 đồng/1 tháng từ của hàng bán nước ở Đường A, Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; có nhà ở tại địa chỉ Đường A, Xã X, Huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (do cha mẹ cho). Trong khi ông P tinh thần nhiều lúc không ổn định làm cho Bà L và các con rất lo sợ, không có nguồn thu nhập và nhà ở. Mặt khác, các con cũng có nguyện vọng được ở với bà L. Do đó, Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Thái P trình bày:

Ông P và bà Dương Thị Tuyết L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 27/6/2011); Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trương Yến N10, sinh ngày 09/01/2011 và Trương Phúc T, sinh ngày 05/12/2011, ngoài ra không còn con chung, con nuôi nào khác.

Quá trình chung sống vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên bất hòa với nhau, Bà L ly thân và bỏ nhà đi từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông P đồng ý ly hôn với bà Dương Thị Tuyết L. Tuy nhiên, từ năm 2018 cho đến nay khi Bà L bỏ đi một mình ông P chăm sóc và lo cho hai con ăn học. Đến tháng 4/2022 Bà L đột ngột quay về mang hai con về huyện B sinh sống mặc dù ông P đã nhiều lần yêu cầu nhưng Bà L vẫn không mang hai con về. Nay ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Trương Phúc T và giao trẻ Trương Yến N10 cho Bà L trực tiếp nuôi con. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hiện ông đang làm công việc giao hàng, với mức thu nhập khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng)/1 tháng nhưng do công việc không ổn định nên không cung cấp được chứng cứ để chứng minh mức thu nhập.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 989/2022/HNGĐ-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà Dương Thị Tuyết L.

Về hôn nhân: Bà Dương Thị Tuyết L được ly hôn ông Trương Thái P. (Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do UBND Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trương Yến N10, sinh ngày 09/01/2011 và Trương Phúc T, sinh ngày 05/12/2011 cho bà Dương Thị Tuyết L trực tiếp nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Trương Thái P cho đến khi Bà L có yêu cầu. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự cùng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 06/9/2022, bị đơn ông Trương Thái P có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, giao 01 con chung tên Trương Phúc T cho ông T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trương Thái P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Bà L và ông P tự nguyện xây dựng cuộc sống chung vợ chồng từ năm 2011. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trương Yến N10, sinh ngày 09/01/2011 và Trương Phúc T, sinh ngày 05/12/2011. Mâu thuẫn vợ chồng luôn xung đột. Năm 2013, ông P nghiện ma túy nên tinh thần không ổn định.

Ông P yêu cầu được nuôi trẻ Trương Phúc T nhưng kinh tế ông P bất ổn, không có nguồn thu nhập. Trong khi đó, Bà L có cửa hàng kinh doanh tạp hóa, thu nhập 27.000.000 đồng/ tháng, Bà L có chỗ ở ổn định (nhà cha mẹ ruột cho riêng bà L) còn ông P phải ở nhờ nhà cha mẹ mình. Mặt khác, các con từ trước đến nay đều có tình cảm gắn bó với bà L, nguyện vọng các con đều muốn sống chung cùng mẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông P làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn yêu cầu được nuôi trẻ Phúc T. Nhận thấy nguyện vọng của trẻ T mong muốn được sống cùng mẹ, Bà L có điều kiện chăm sóc trẻ và điều kiện kinh tế hơn ông P. Do đó, cấp sơ thẩm đã quyết định giao con cho Bà L nuôi dưỡng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trương Thái P kháng cáo yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Trương Phúc T. Xét đơn kháng cáo của ông P làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông P về việc nuôi con Trương Phúc T:

Đối với con chung tên Trương Phúc T, sinh ngày 05/12/2011, bà Dương Thị Tuyết L và ông Trương Thái P đều muốn được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ sau khi cha mẹ ly hôn.

Xét điều kiện sinh hoạt, mức thu nhập, công việc làm và hoàn cảnh thực tế của mỗi bên thì Bà L có đủ điều kiện để chăm sóc các con. Hiện cháu T cùng cháu Như đang sống với bà L, do Bà L chăm sóc nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định. Nguyên vọng của cháu T cũng mong muốn được sống chung cùng mẹ. Hơn nữa, cháu T còn nhỏ nên cần được sự quan tâm và chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Mặt khác, để tránh làm xáo trộn cuộc sống và thói quen sinh hoạt hằng ngày của trẻ, đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý nên thiết nghĩ cần tiếp tục giao trẻ Trương Phúc T cho bà Dương Thị Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, y án sơ thẩm là có cơ sở.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[5] Về án phí phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thái P.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 989/2022/HNGĐ-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà Dương Thị Tuyết L.

Về hôn nhân: Bà Dương Thị Tuyết L được ly hôn ông Trương Thái P. (Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do UBND Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trương Yến N10, sinh ngày 09/01/2011 và Trương Phúc T, sinh ngày 05/12/2011 cho bà Dương Thị Tuyết L trực tiếp nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Trương Thái P cho đến khi Bà L có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự cùng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) bà Dương Thị Tuyết L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu số AA/2021/0016832 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Trương Thái P chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0017439 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận N, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận N, TP.HCM;
- UBND Phường X, Quận N, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Linh/12b).

Lưu Thị Thủy Tiên

